

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 12/01/2023

(V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản)

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các Hội thẩm N dân:

1/. Ông Trần Văn Phước

2/. Ông Đặng Văn Chiêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án N dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án N dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 02/2022/TB-TA ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông BVO, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp MPĐ, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho ông O: Bà HHTH, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật TNHH MTV Thái Sơn; Số 45H, Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Tp. BL, tỉnh BL.

2/. Đồng bị đơn:

2.1/. Ông NVB, sinh năm 1970.

2.2/. Bà NHN, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp MPĐ, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà TXM, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp MPĐ, xã HP, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bàM: Bà HHTH, sinh năm 1982.

Địa chỉ liên hệ: Công ty luật TNHH MTV Thái Sơn; Số 45H, Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, Tp. BL, tỉnh BL.

(Bà H có đơn xét xử vắng mặt, ôngB và bà N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Huỳnh Tò H trình bày: Trong khoảng thời gian 02 năm, từ năm 2017 đến 2018 (dương lịch), vợ chồng ông O và bàM bắt đầu giao dịch mua bán thức ăn gia súc với vợ chồng ôngB và bà N làm rất nhiều lần với nhau, hai bên thỏa thuận bằng hình thức trả dần theo cuối mùa vụ lúa và cho đến ngày 28/12/2018 (dương lịch) hai bên có cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau thì ôngB và bà N còn nợ ông O và bàM số tiền là 174.470.000 đồng. Sau đó, ôngB và bà N có trả dần cho đến nay còn nợ lại ông O và bàM số tiền là 125.000.000 đồng. Nay ông O yêu cầu ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông O và bàM số tiền mua bán thức ăn gia súc còn thiếu là 125.000.000 đồng và tiền lãi 35.487.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 160.487.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án và giai đoạn thi hành án.

Theo đồng bị đơn ông NVB trình bày: ÔngB thừa nhận từ năm 2017 đến năm 2018 (dương lịch), vợ chồng ông có giao dịch mua bán thức ăn gia súc với vợ chồng ông O và bàM làm rất nhiều lần với nhau, hai bên thỏa thuận bằng hình thức trả dần theo cuối mùa vụ lúa và cho đến ngày 28/12/2018 (dương lịch) hai bên có cộng sổ quyết toán nợ lại với nhau thì vợ chồng ông còn nợ ông O và bàM số tiền là 125.000.000 đồng. Nhưng trong thời gian ông O kiện vợ chồng ông ra Tòa án thì ông có trả được thêm cho ông O số tiền là 5.000.000 đồng nên nay ông thừa nhận và đồng ý trả cho ông O số tiền là 120.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi suất chậm trả mà ông O yêu cầu đối với vợ chồng ông thì ông không đồng ý trả số tiền lãi trên cho ông O. Vì hiện tại hoàn cảnh gia đình của ông rất khó khăn nên ông không còn có khả năng để trả số tiền lãi trên cho vợ chồng ông O và bàM được nữa.

Theo đồng bị đơn bà NHN trình bày: Bà N thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông NVB nên bà không có ý kiến gì bổ sung thêm

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà HHTH xác định: Trong thời gian ông O khởi kiện ôngB tại Tòa án thì vợ chồng ôngB và bà N đã có trả được cho ông O số tiền 5.000.000 đồng như ôngB và bà N trình bày nên nay ông O xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đối với ôngB và bà N về số tiền gốc 5.000.000 đồng mà ôngB và bà N đã trả cho ông O đồng nên nay ông O yêu cầu ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông O và bàM số tiền mua bán thức ăn gia súc còn thiếu là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 125.000.000 kể từ ngày

quyết toán nợ (28/12/2018) đến ngày khởi kiện là ngày 11/3/2022 và tiền lãi chậm trả trên số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 12/3/2022 đến ngày giải quyết vụ án và lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn ông NVB và bà NHN thống nhất trình bày: ÔngB và bà N thừa nhận vợ chồng ông bà còn thiếu tiền mua thức ăn gia súc của ông O và bàM số tiền là 120.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần. Còn đối với số tiền lãi chậm trả thì ôngB và bà N không đồng ý trả cho ông O với lý do khi giao dịch mua bán với nhau thì giữa hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả này và từ trước đến nay ôngB và bà N cũng chưa đóng khoản tiền lãi nào cho ông O cả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO. Buộc ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho của ông BVO và bà TXM số tiền mua bán là 120.000.000 đồng và tiền lãi 49.965.276 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông NVB và bà NHN với số tiền gốc 5.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông BVO có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với ông NVB và bà NHN. Ông NVB và bà NHN có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện PL, tỉnh BL.

Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của bà HHTH. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua bán thức ăn gia súc còn thiếu số tiền là

160.487.000 đồng, trong đó số tiền gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi 35.487.000 đồng. Nhưng trong thời gian ông O khởi kiện ôngB và bà N tại Tòa án thì vợ chồng ôngB và bà N đã có trả được cho ông O số tiền 5.000.000 đồng nên nay ông O xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ôngB và bà N về số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Nay ông O yêu cầu ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông O số tiền mua bán thức ăn gia súc còn thiếu là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền 125.000.000 đồng kể từ ngày quyết toán nợ (28/12/2018) đến ngày khởi kiện là ngày 11/3/2022 và tiền lãi chậm trả trên số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 12/3/2022 đến ngày giải quyết vụ án và lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất thừa nhận có việc giao dịch mua bán tài sản là thức ăn gia súc với nhau, việc giao dịch mua bán này giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và có xảy ra trên thực tế. Như vậy, lời thừa nhận của ôngB và bà N về việc còn thiếu ông O số tiền 120.000.000 đồng là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật.

Trong quá trình tố tụng, ông O có yêu cầu xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 đối với ôngB và bà N về số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông O đối với ôngB và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông O đối với ôngB và bà N về số tiền trên.

[3] Xét yêu cầu của ông BVO về việc yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền 125.000.000 đồng kể từ ngày 28/12/2018 (dương lịch) đến ngày khởi kiện là ngày 11/3/2022 (dương lịch) và tiền lãi chậm trả trên số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 12/3/2022 (dương lịch) đến ngày giải quyết vụ án và lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”* và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc mua bán giữa hai bên có xảy ra trên thực tế, ôngB và bà N còn thiếu của ông O và bàM số tiền là 120.000.000 đồng. Do đó, việc ông O yêu cầu ôngB và bà N trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi chậm trả được tính như sau: Từ ngày 28/12/2018 (dương lịch) cho đến ngày khởi kiện là ngày 11/3/2022 là được 38 tháng 11 ngày x 0,83%/tháng x 125.000.000 đồng = 39.965.277 đồng và từ ngày 12/3/2022 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là ngày

12/01/2023 là được 10 tháng 00 ngày x 0,83%/tháng x 120.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông NVB và bà NHN. Buộc ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông BVO và bà TXM tổng cộng số tiền là 169.965.277 đồng (Trong đó số tiền gốc là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là 49.965.277 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông NVB và bà NHN với số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông BVO không phải chịu, ông O đã nộp số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo biên lai thu số 0005266 được hoàn lại cho ông BVO tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.498.000 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện PL, tỉnh BL về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 217, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO đối với ông NVB và bà NHN về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2/. Buộc ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ trả cho ông BVO và bà TXM tổng số tiền là 169.965.277 đồng (Trong đó số tiền gốc là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là 49.965.277 đồng).

3/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông BVO với ông NVB và bà NHN đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông BVO không phải chịu, ông O đã nộp số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo biên lai thu số 0005266 được hoàn lại cho ông BVO tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL. Buộc ông NVB và bà NHN cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.498.000 đồng (Tám triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An